

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST

Ngày: 29/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Y Hoa.

2. Ông Đoàn Minh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2020/TLST- HS ngày 10/9/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. A L, tên gọi khác: không, sinh ngày 18/7/2001, tại tỉnh Kon Tum.

Nơi cư trú: Làng K, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Xê Đăng; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: A P và bà Y L; bị cáo là con thứ 2 trong gia đình có 10 anh chị em; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/3/2020 đến ngày 12/3/2020, tạm giam từ ngày 12/3/2020 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. A C, tên gọi khác: không, sinh ngày 11/10/1988 tại Kon Tum.

Nơi cư trú: Làng K, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Xê Đăng; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A Đ (đã chết) và bà Y S; bị cáo là con thứ 4 trong gia đình có 06 anh chị em; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/3/2020 cho đến ngày 12/3/2020, tạm giam từ ngày 12/3/2020 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho các bị cáo A C và A L:** Bà Nguyễn Thị Thúy H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kon Tum. (Theo quyết định số 25/QĐ-TGPL và 26/QĐ-TGPL ngày 16/3/2020 của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kon Tum). Có mặt.

- **Người phiên dịch cho bị cáo A L:** Ông A G – Cán bộ Tư pháp hộ tịch UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

- **Người bị hại:**

1. Thái Viết M, sinh năm 1993;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

2. Phạm Văn S, sinh năm 1989;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn P, Xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

(Đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Y L; sinh năm 1980; Địa chỉ: làng K, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum; có mặt.

2. Bà Y S; sinh năm 1960; Địa chỉ: làng K, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 03/03/2020, A L và A C trong lúc đang ngồi uống rượu cùng với mọi người tại làng K, xã Đ, huyện T thì nghe có người nhắc đến công nhân Công ty Inno Green, lúc này A C nhìn thẳng vào mắt A L thì A L hiểu ý là đi đe dọa lấy tài sản. Sau khi uống rượu xong, A C nói A L chở về nhà A Ch (ở cùng thôn) lấy dao (dao bằng kim loại, màu đen dài 52cm, có mũi nhọn, ở giữa có một khuyết kim loại kích thước 7×5cm, một bên mặt lưỡi dao khắc chữ “Đồ Long Dao” một bên khắc chữ “Anh A C”), A L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 82E1-03503 (màu trắng, đỏ, đen, giấy đăng ký chủ sở hữu tên Lê Hữu Hưng, trú tại: Ngọc Tiến, Đắk Sủ, Ngọc Hồi, bán cho bà Y Sáu trú tại: Kon Pia, Đắk Hà, Tu Mơ Rông nhưng chưa sang tên đổi chủ) chở A C chạy xe vào khu vực lán công nhân của Công ty Inno Green (tọa độ E00547621; N01631493) tại làng K, xã Đ, huyện T, tỉnh K rồi cả hai vào lán công nhân nằm ngủ. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, anh Phạm Văn S (sinh năm 1989, trú tại xã B, huyện B, tỉnh Q) đi đến lán mà A C, A L đang nằm trong đó để lấy đồ, khi thấy anh S đi một mình thì A C ngồi dậy tiến lại gần và đưa dao lên dí sát vào mặt của anh S, phần mũi dao cách mặt anh S khoảng 7cm và dùng lời lẽ đe dọa chửi bới khiến anh S

sợ sệt và không dám chống cự. Lúc này A L cũng ngồi dậy và tiến lại gần anh S, sau khi chửi xong, A C quay lưng lại và đi vào lán khoảng 2,1m thì A L hỏi anh S “*Mày có tiền không đưa đây tao?*”, đồng thời A L tiến tới áp sát và lục soát người anh S, khi nghe A L hỏi anh S có tiền không thì A C cầm dao đi tới đứng cạnh A L. Sau khi lục soát người anh S ở hai túi quần phát hiện số tiền 7.000 đồng (*bảy ngàn đồng*), một gói thuốc lá hiệu GOLDEN EAGLE (*đã qua sử dụng*). A L đã chiếm đoạt toàn bộ số tài sản trên.

Sau đó đến 13h30’ cùng ngày thì A L bị công an xã Đ và Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T lập biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp và thu giữ toàn bộ tang vật. Đối với A C bỏ trốn đến 7h ngày 04/03/2020 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T lập biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

Trong quá trình điều tra, A L và A C đã tự khai ra một vụ chiếm đoạt tài sản trước đó, cụ thể như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 02/03/2020, A L và A C điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 82E1-03503 đến lán công nhân của Công ty Inno Green (tọa độ E00546764, N00163025), thuộc làng K, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum, để đe dọa công nhân Công ty Inno Green không được phát dọn rẫy nữa. Trên đường đi, A L chở A C về nhà A C lấy con dao mang theo (*cùng con dao sử dụng ngày 03/03/2020*), khi đi đến cách lán khoảng: 1.137m A L và A C dừng xe và đi bộ theo đường mòn, đến cách lán khoảng 48m thì A C đưa dao cho A L, A L cầm dao và nhét vào phía sau lưng quần rồi cả hai đi tới lán. Lúc này có anh Thái Viết M (*sinh năm 1993, trú tại: Xã T, huyện P, tỉnh Q*) là công nhân đang ở trong lán kiểm tra đồ đạc, máy móc, khi tới lán thì A C đi vòng qua trước mặt anh M đến cuối sạp gỗ trong lán lấy một ống kim loại (*dài khoảng 1m, đường kính 2-3cm*) tiến lại gần anh M và nhảy lên miếng gỗ (*làm bàn ăn, rộng 0,55m, dài 1,86m, cao 0,5m*) đứng đối diện cách anh M khoảng 1,3m, chỉ ống kim loại vào mặt anh M, ống kim loại cách mặt anh M 0,15m và dùng lời nói đe dọa, chửi bới khiến anh M sợ. Đồng thời lúc này A L tiến lại gần và đứng sau lưng cách anh M 2m. Sau khi chửi xong A C hỏi anh M “*Có tiền không?*” anh M trả lời là “*Không có*” và có ý định bỏ chạy, tuy nhiên anh M nghĩ còn có chiếc xe máy và máy móc nên anh M đã ở lại. A C tiếp tục yêu cầu anh M lấy tiền trong túi ra, lúc này anh M móc túi ra 120.000 đồng (*Một trăm hai mươi ngàn đồng*) đưa cho A C và có nói: “*Cho lại tiền đồ xăng*”, A C đã lấy 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*) và trả lại số tiền còn lại cho anh M, đồng thời yêu cầu anh M ra về. Lúc này A L tiến và hỏi anh M: “*Có lấy chìa khóa xe máy không?*” anh M trả lời “*Có*”, A L tiếp tục nói: “*Có tiền thì đưa đây?*”, anh M thấy A C đứng trước mặt còn A L đứng bên cạnh mà phía sau lưng có nhét vật gì đó, nên anh M lấy ra 70.000 đồng (*bảy mươi ngàn đồng*) còn lại đưa cho A L và có nói: “*xin lại tiền để đồ xăng*” nên A L chỉ lấy 20.000 đồng (*hai mươi ngàn đồng*) và đưa lại cho

anh M 50.000 đồng (*năm mươi ngàn đồng*), sau đó thì anh M đi về, còn A L, A C cũng đi về sau đó. Số tiền chiếm đoạt là 70.000 đồng (*bảy mươi ngàn đồng*) được A L và A C tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 02/KL-HĐ ngày 11/06/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, Kết luận: Một gói thuốc lá hiệu GOLDEN EAGLE (*đã qua sử dụng*) còn 19 điều có giá trị là 8.000 đồng (*tám ngàn đồng*).

Tại Bản cáo trạng số 01/CT- VKS ngày 08/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo A L, A C về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS và tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 170 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên cáo trạng truy tố về tội danh đối với các bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đề nghị không áp dụng cho hai bị cáo trong tội Cướp tài sản vì tài sản hai bị cáo chiếm đoạt của anh S đã bị cơ quan điều tra thu giữ và người bị hại không bị thiệt hại gì về vật chất lẫn tinh thần. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử:

Đối với bị cáo A C:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A C từ 07 đến 08 năm tù về tội Cướp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A C từ 01 đến 02 năm tù về tội Cưỡng đoạt tài sản.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt hai tội danh đối với bị cáo A C là từ 08 đến 10 năm tù.

Đối với bị cáo A L: Tại phiên tòa, trong quá trình Đại diện Viện kiểm sát xét hỏi bị cáo về hành vi chiếm đoạt tài sản đối với anh S, bị cáo A L khai quanh co, không thành khẩn nên không áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tội Cướp tài sản và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 2 Điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A L từ 08 đến 09 năm tù về tội Cướp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A L từ 01 đến 02 năm tù về tội Cưỡng đoạt tài sản.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt hai tội danh đối với bị cáo A L là từ 09 đến 11 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Phạm Văn S và anh Thái Viết M không yêu cầu A C và A L bồi thường nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 con dao kim loại màu đen dài 52cm, mũi dao nhọn, ở giữa có một khuyên kim loại kích thước 7x5cm, một bên mặt lưỡi dao khắc chữ “ĐỒ LONG ĐAO”, một bên khắc chữ “ANH A C”, là công cụ, phương tiện phạm tội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, tiêu hủy.

- 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng có số seri: 1423665, 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng có số seri: 5879230 và 01 gói thuốc lá hiệu GOLDEN EAGLE đã qua sử dụng còn 19 điếu, là tài sản do các bị cáo chiếm đoạt của anh S, anh S không có yêu cầu nhận lại, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo ý kiến:

Tôi thống nhất với đại diện Viện kiểm sát về phần tội danh đối với hai bị cáo. Tuy nhiên, về các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho hai bị cáo trong cả hai tội, vì trong tội Cướp tài sản, tuy người bị hại không bị tổn thất gì về vật chất, nhưng hành vi của các bị cáo phần nào làm ảnh hưởng đến tinh thần người bị hại, làm người bị hại hoảng sợ nên các bị cáo đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả về tinh thần cho người bị hại là cần thiết. Ngoài ra, số tiền các bị cáo chiếm đoạt của người bị hại không lớn, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn cho hai bị cáo trong cả hai tội.

Đối với bị cáo A L, trong quá trình Đại diện Viện kiểm sát xét hỏi về hành vi chiếm đoạt tài sản đối với anh S, bị cáo khai có điểm mâu thuẫn với lời khai trong quá trình điều tra. Xét thấy, bị cáo A L là người dân tộc thiểu số, không được đi học, không biết chữ phổ thông, từ nhỏ chỉ ở nhà làm nông tại thôn K, xã Đ, huyện T, bị cáo không hiểu biết pháp luật, tâm lý ra tòa sợ sệt nên phần nào không hiểu được những nội dung mà đại diện Viện kiểm sát xét hỏi, không nhớ được những tình tiết của vụ án nên trả lời có phần quanh co, mâu thuẫn nhưng sau khi được hội đồng xét xử giải thích, xét hỏi bổ sung, bị cáo đã khai thành khẩn, đúng sự thật của vụ án và lời khai tại cơ quan điều tra. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tình tiết phạm tội do lạc hậu quy định tại điểm m, điểm s khoản 1 Điều 51 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong cả hai tội.

Từ những phân tích trên, tôi đề nghị Hội đồng xét xử:

Đối với bị cáo A C:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A C 05 năm tù về tội Cướp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, h, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A C 01 năm tù về tội Cường đoạt tài sản.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt hai tội danh đối với bị cáo A C là 06 năm tù.

Đối với bị cáo A L:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, h, s, m khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A L 05 năm tù về tội Cướp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, h, r, s, m khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A L 01 năm tù về tội Cường đoạt tài sản.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt hai tội danh đối với bị cáo A L là 06 năm tù.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho hai bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Y S và bà Y L không có ý kiến gì.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

2.1. Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản ngày 02/3/2020 của bị cáo A C và A L đối với anh Thái Viết M:

Bị cáo A C đã có hành vi dùng một ống kim loại (dài khoảng 01 m, đường kính 02 đến 03 cm) chỉ vào mặt anh M và đe dọa, chửi bới còn A L đứng sau lưng anh M, cách khoảng 02 đến 03 m; A C hỏi anh M “*Có tiền không*”, anh M trả lời “*Không có*” và có ý định bỏ chạy, nhưng nghĩ còn xe máy và đồ đạc trong lán nên

anh M đã ở lại, A C tiếp tục yêu cầu anh M đưa tiền, sau đó anh M móc trong túi quần ra 120.000 đồng đưa cho A C và nói “*Cho xin lại tiền đồ xăng*”, sau đó A C lấy 50.000 đồng đưa lại cho anh M 70.000 đồng. Khi anh M đi ra về thì A L nói “*Có muốn lấy chìa khóa xe không*”, anh M nói “*Có*”, A L tiếp tục nói “*Vậy đưa tiền đây*”, anh M lấy 70.000 đồng đưa cho A L và nói cho xin lại tiền đồ xăng, A L lấy 20.000 đồng và đưa lại cho anh M 50.000 đồng, sau đó anh M đi về.

Xét hành vi của bị cáo A C đã có lời nói, hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần đối với anh M để chiếm đoạt tài sản, A L đã có hành vi giữ chìa khóa xe máy của anh M để đe dọa làm cho anh M phải đưa tiền cho bị cáo. Mặc dù bị hai bị cáo đe dọa và chiếm đoạt tài sản, nhưng tinh thần anh M vẫn tỉnh táo, có thời gian để suy nghĩ việc trả lời có tiền hay không có tiền, chưa rơi vào trạng thái không thể chống cự được. Mặt khác, sau khi đưa tiền, anh M vẫn bình tĩnh xin hai bị cáo lại tiền đồ đồ xăng để đi về và khai có ý định bỏ chạy nhưng do trong lán còn xe máy và đồ đạc cá nhân nên không chạy và miễn cưỡng đưa tiền cho các bị cáo. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo A C và A L về tội Cường đoạt tài sản theo khoản 01 Điều 170 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

2.2. Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản ngày 03/3/2020 của bị cáo A C và A L đối với anh Phạm Văn S:

Sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh M ngày 02/3/2020, đến khoảng 10 giờ ngày 03/3/2020, bị cáo A C và A L tiếp tục cầm dao đi đến lán trại của công nhân công ty Inno Green. Sau khi gặp anh S tại lán, bị cáo A C dùng dao chỉ thẳng vào mặt anh S, mũi dao cách khoảng 07 cm và dùng lời lẽ, đe dọa chửi bới liên tục làm cho anh S hoảng sợ, lúc này A L cũng tiến đến gần anh S. Sau khi đe dọa anh S, A C quay vào lán, đi được khoảng 2,1m, thì A L tiến đến gần anh S và nói “*Mày có tiền không đưa đây*”, nghe A L hỏi vậy thì A C quay lại đứng gần anh S, tay vẫn cầm dao, lúc này A L áp sát và lục soát người anh S lấy số tiền 7.000 đồng và 01 gói thuốc lá hiệu Golden Eagle (đã qua sử dụng) và lấy toàn bộ số tài sản trên.

Xét hành vi của bị cáo A C đã có lời nói, hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm để đe dọa, chửi bới, bị cáo A L đã có hành vi uy hiếp, áp sát dùng tay lục soát người anh S để lấy tài sản. Những hành động liên tục của các bị cáo đã làm cho anh S hoảng sợ, không có một lời nói hay hành động phản kháng nào khác mà chỉ đứng im, rơi vào tình trạng tê liệt về ý chí, không thể chống cự được mặc cho hai bị cáo chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố hai bị cáo về tội Cướp tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét mức độ, hành vi phạm tội của hai bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền nhân thân và sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến quần chúng nhân dân trên địa bàn nên cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của hai bị cáo gây ra là cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo đối với hai bị cáo và phòng ngừa chung đối với các loại tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

3.1. Về tình tiết tăng nặng: Hai bị cáo không phải chịu tình tiết nào.

3.2. Về tình tiết giảm nhẹ:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng cho hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự trong tội Cướp tài sản, vì tài sản hai bị cáo chiếm đoạt của anh Sanh đã bị cơ quan điều tra thu giữ và người bị hại không bị thiệt hại gì về vật chất lẫn tinh thần; đề nghị không áp dụng cho bị cáo A L được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải trong tội Cướp tài sản, vì tại phiên tòa bị cáo khai không thành khẩn. Xét thấy, trong quá trình điều tra, hai bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tuy người bị hại không bị thiệt hại gì về vật chất nhưng sau khi phạm tội, cả hai đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại về tinh thần cho người bị hại, người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đối với bị cáo A L là người dân tộc thiểu số, không được đi học, không biết chữ phổ thông, không hiểu biết pháp luật, thời gian xảy ra vụ án đã khá lâu nên tại phiên tòa bị cáo trả lời có những câu không đồng nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, nhưng sau khi được người bào chữa và hội đồng xét xử giải thích, xét hỏi bổ sung, bị cáo đã khai thành khẩn, đúng sự thật và phù hợp với lời khai của bị cáo A C, lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự trong cả hai tội Cướp tài sản và Cưỡng đoạt tài sản là phù hợp.

Sau khi bị bắt về hành vi cướp tài sản ngày 03/3/2020 đối với anh S, trong quá trình điều tra, hai bị cáo đã tự nguyện khai ra hành vi cưỡng đoạt tài sản ngày 02/3/2020 đối với anh M khi chưa bị ai phát hiện và chưa có đơn trình báo của anh M. Vì vậy, hai bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là tự thú quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự trong tội Cưỡng đoạt tài sản.

Riêng bị cáo A C có cha mẹ là người có công với nước nên xem xét, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo trong cả hai tội Cướp tài sản và Cưỡng đoạt tài sản để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét thấy, hai bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, là người đồng bào dân tộc thiểu số sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức về pháp luật còn hạn chế, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để chuyển khung hình phạt đối với hai bị cáo trong tội Cướp tài sản và xử mức thấp nhất của khung hình phạt trong tội Cưỡng đoạt tài sản cũng đủ sức răn đe và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với hai bị cáo.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, hai bị cáo không có sự bàn bạc, phân chia nhiệm vụ mà cùng nhau thực hiện tội phạm. Nhưng xét vai trò của từng bị cáo thấy rằng, bị cáo A C là người chủ động cầm dao đi theo và thể hiện sự hung hăng hơn bị cáo A L khi thực hiện hành vi phạm tội nên xử phạt bị cáo A C mức

hình phạt cao hơn bị cáo A L. Tuy nhiên, bị cáo A C có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự hơn bị cáo A L nên cần xem xét, cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo để xử hai bị cáo mức hình phạt tương đương nhau là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 70.000 đồng bị cáo A C và A L chiếm đoạt của anh M, anh M tự nguyện cho hai bị cáo và không có yêu cầu gì, anh S cũng không có yêu cầu gì về dân sự nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu WARE RSX màu trắng đỏ đen, biển kiểm soát 82E1-03503, số máy 6360441, số khung 413091 là xe của bà Y Sáu do A C tự ý lấy đi bà không biết, vì vậy Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Y S là phù hợp (Theo biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 21/8/2020 của cơ quan điều tra), bà Y S đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì nên hội đồng xét xử không xem xét

Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, số seri 14393463 và 01 bật lửa hiệu TANAKA (đã qua sử dụng) của bị cáo A L, xét không liên quan đến việc phạm tội nên cơ quan điều tra trả lại cho A L (Theo biên bản trả lại đồ vật tài liệu ngày 24/8/2020 của cơ quan điều tra), A L đã nhận lại và không có yêu cầu gì nên hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng có số seri 1423665, 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng có số seri 5879230 và 01 gói thuốc hiệu Golden Eagle còn 19 điếu, là tài sản do hai bị cáo chiếm đoạt của anh S, anh S không có nhu cầu nhận lại và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, theo hướng dẫn tại mục 3 công văn 233/TANDTC/PC ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về việc trao đổi nghiệp vụ thì các tài sản trên không thuộc trường hợp tịch thu nên hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của anh S và trả lại các tài sản trên cho anh Sanh là phù hợp.

Đối với con dao bằng kim loại màu đen, dài 52 cm, mũi nhọn, ở giữa có 01 khuyên kim loại kích thước 7x5 cm, một bên mặt lưỡi dao có khắc chữ “Đồ Long Dao”, một bên khác chữ “Anh A C” là phương tiện hai bị cáo dùng để phạm tội, xét không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/9/2020 giữa cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

Đối với một ống kim loại (dài khoảng 01 m, đường kính 02 đến 03 cm) do bị cáo A C dùng để đe dọa anh M, sau đó đã vứt đi, cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thấy nên hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[6]. Đối với số tiền 200.000 đồng mà bà Y S (mẹ bị cáo A C) và 200.000 đồng bà Y L (mẹ bị cáo A L) đã nộp thay cho hai bị cáo theo biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu ngày 16/6/2020 của Cơ quan điều tra (Bút lục 212,213) để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại nhưng người bị hại không nhận và không có yêu cầu gì. Xét thấy đây là tài sản của bà Y S và bà Y L,

không phải vật chứng của vụ án nên trả lại cho bà Y S và bà Y L mỗi người 200.000 đồng là phù hợp. Bà Y S và bà Y L cũng không có yêu cầu gì khác nên hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với ý kiến của người bào chữa cho hai bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở nên ghi nhận và cân nhắc khi lượng hình.

[8] Về hình phạt bổ sung: hai bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, làm nông, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo A C và A L là người đồng bào dân tộc thiểu số sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử xem xét, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho hai bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo A C và A L phạm tội “*Cướp tài sản*” và “*Cưỡng đoạt tài sản*”

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo A C 04 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo A C 01 năm tù về tội Cưỡng đoạt tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội danh đối với bị cáo A C là 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 04/3/2020).

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo A L 04 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo A L 01 năm tù về tội Cưỡng đoạt tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội danh đối với bị cáo A L là 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 03/3/2020).

2. Đối với số tiền 200.000 đồng mà bà Y S (mẹ bị cáo A C) và 200.000 đồng mà bà Y L (mẹ bị cáo A L) đã nộp tại cơ quan điều tra : Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bà Y S và bà Y L mỗi người 200.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; mục 3 công văn 233/TANDTC/PC ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân tối cao trả lại cho anh

Phạm Văn S 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng có số seri 1423665, 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng có số seri 5879230 và 01 gói thuốc lá còn 19 điều hiệu Golden Eagle.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu tiêu hủy đối với 01 con dao bằng kim loại màu đen, dài 52 cm, mũi nhọn, ở giữa có 01 khuyên kim loại kích thước 7x5 cm, một bên mặt lưỡi dao có khắc chữ “Đồ Long Dao”, một bên khắc chữ “Anh A Ch”.

Các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/9/2020 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T

4. Về án phí:

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo A C và A L.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Kon Tum
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Những người TGTT;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Huy